

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

**Ngành đào tạo: Giáo dục chính trị
Tên tiếng Anh: Political Education
Tên chuyên ngành: Giáo dục chính trị
Mã ngành: 7140205
Trình độ đào tạo: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy**

Đắk Lắk, 2021

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 18 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo; Quyết định số 651/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập Tổ công tác cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị, chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị được mô tả như sau:

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục chính trị
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Political Education
Mã ngành:	7140205
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Tây Nguyên
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	125
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh:	Theo QC tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và QC tuyển sinh, Đề án tuyển sinh của Trường ĐH Tây Nguyên
Thang điểm đánh giá:	Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên
Điều kiện tốt nghiệp:	Áp dụng Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên
Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:	Giáo viên giáo dục công dân; giảng viên các môn lý luận chính trị; Chuyên viên tại một số cơ quan thuộc hệ thống chính trị và cơ quan thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn
Học tập nâng cao trình độ:	Học sau đại học các ngành thuộc khối lý luận chính trị
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	CTĐT ngành Giáo dục chính trị của Trường ĐH Cần Thơ, ĐH Qui Nhơn, ĐHSPTP. Hồ Chí Minh
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	Tháng 3 năm 2021

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1.1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

2.1.2. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.

2.1.3. Triết lý giáo dục của Nhà trường

Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học.

2.2. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị có kiến thức cơ bản về các môn lý luận chính trị, khoa học giáo dục, kỹ năng sư phạm, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị, giáo dục công dân.

2.3. Mục tiêu cụ thể

2.3.1. Về kiến thức

M1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

M2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, khởi nghiệp, kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

M3. Trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, kinh tế học, luật học.

M4. Trang bị kiến thức chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân, về chương trình môn giáo dục công dân và thực tiễn dạy học giáo dục công dân, về lý luận dạy học các môn lý luận chính trị.

2.3.2. Về kỹ năng, thái độ

M5. Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy môn giáo dục công dân, các môn lý luận chính trị, thực hiện các công việc khác của một giáo viên và giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo.

M6. Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

M7. Xây dựng cho người học niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, giảng viên.

2.3.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

M8. Giáo viên môn giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.

M9. Giáo viên, giảng viên các môn lý luận chính trị ở trường trung cấp chuyên nghiệp, trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường cao đẳng, trường đại học.

M10. Chuyên viên tại một số cơ quan thuộc hệ thống chính trị và cơ quan thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

2.3.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

M11. Có năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

M12. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

+ Kiến thức chung

C1. Hiểu được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

C2. Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, khởi nghiệp, kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

C3. Có kiến thức tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

C4. Hiểu và trình bày được kiến thức tổng quan về máy tính, thông tin và quản lý thông tin, các kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để giải quyết các yêu cầu công việc.

+ Kiến thức chuyên môn

C5. Phân tích được những kiến thức nâng cao về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

C6. Vận dụng được kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội & nhân văn, một số kiến thức chuyên sâu về kinh tế học, luật học vào giảng dạy ở bậc trung học phổ thông.

C7. Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân, về lý luận dạy học các môn lý luận chính trị vào giảng dạy ở bậc trung học phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học.

3.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng chung

C8. Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản để giải quyết các yêu cầu công việc.

C9. Biết phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

+ Kỹ năng chuyên môn

C10. Nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị, giáo dục công dân. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện các biện pháp giáo dục phù hợp, xử lý tốt các tình huống trong nhà trường và xã hội.

C11. Có kỹ năng sư phạm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng khái quát, phân tích, tổng hợp. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ phục vụ công tác dạy học, nghiên cứu khoa học và các công tác khác.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C12. Giảng dạy môn giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.

C13. Giảng dạy và nghiên cứu các môn lý luận chính trị ở trường trung cấp chuyên nghiệp, trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường cao đẳng, trường đại học.

C14. Làm chuyên viên tại một số cơ quan thuộc hệ thống chính trị và cơ quan thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
M1	X					X								
M2		X												
M3					X				X	X				
M4							X			X	X			
M5										X		X	X	
M6									X		X			X
M7												X	X	X
M8						X						X		
M9													X	
M10														X
M11			X					X						
M12				X				X						

5. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 18 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo; Quyết định số 651/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc thành lập Tổ công tác cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị, chương trình dạy học ngành Giáo dục chính trị được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ, không bao gồm số tín chỉ của các môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh.

- + Kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành: 33 tín chỉ.
 - Kiến thức ngành: 30 tín chỉ.
 - Kiến thức chuyên ngành: 22 tín chỉ.
- + Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ.
- + Giáo dục Quốc phòng - an ninh: 08 tín chỉ.

2. Nội dung đào tạo

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
1	ML211030	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	3		
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2		ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		ML211031
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2		ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2		ML211002
6	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	2		
8	SP211005	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	1	1	0	1		
9	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		2	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
10	SP211020	Đại cương lịch sử thế giới	2	2	0			
11	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0			
12	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	2	0		2	
13	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3		
14	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3		FL211011
15	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		FL211012
16	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		FL211013
17	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2		
18	KC211026	Khoa học môi trường	2	2	0	2		
19	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2		
20	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2		
Tổng:			44	41.4	2.6	36	4	

2.2. Kiến thức giáo dục thể chất

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
21	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1	0	1			
22	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		1	Qui định riêng
23	SP2110033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1			
24	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1			
25	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		1	
26	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1			
27	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1			SP211039
28	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1			
29	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1			
30	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		1	
31	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1			
32	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1			SP211040
Tổng:			12	0	12	1	2	

2.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng - An ninh

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
33	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3		
34	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0	2		
35	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1		
36	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2		
Tổng:			8	5.7	2.3	8		

2.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.4.1. Kiến thức cơ sở ngành

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
37	ML211016	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	0	2		
38	ML212033	Quan hệ quốc tế	2	2	0	2		
39	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	2		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
40	SP212507	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	0	1		
41	ML211004	Logic học	2	2	0	2		ML211030
42	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2		ML211031
43	ML213003	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin	2	2	0	2		
44	ML213072	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	2	2	0	2		ML211002
45	ML213039	Xây dựng Đảng	2	2	0	2		ML211033
46	ML215065	Triết học về con người	2	2	0	2		
47	ML213048	Những Truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	1	0		1	
48	ML213080	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	1	1	0			
49	ML215004	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	1	1	0		1	
50	ML213078	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	1	1	0			
51	SP211023	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	3		
52	SP211024	Giáo dục học phổ thông	3	3	0	3		
53	ML214009	Phong cách Hồ Chí Minh	2	2	0	2		ML211002
54	ML213040	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	2	0	2		
55	ML215053	Chính trị học	2	2	0	2		
Tổng:			35	35	0	31	2	

2.4.2. Kiến thức ngành

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
56	ML214004	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	2	1.5	0.5	2		
57	ML215052	Giáo dục gia đình	2	2	0	2		
58	ML211015	Đạo đức học Mác-Lênin	2	2	0	2		
59	SP211004	Văn hóa học đường	1	1	0	1		
60	ML213049	Thực tế chuyên môn	1	0	1	1		
61	ML214003	Giao tiếp sư phạm	2	2	0	2		
62	ML213056	Hiến pháp và định chế chính trị	2	2	0	2		
63	ML213086	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	1	1	0	1		
64	ML213077	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	1	1	0		1	
65	ML213081	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	1	1	0			
66	ML213083	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		ML211002
67	ML213090	Giáo dục kinh tế ở trường THPT	3	2	1	3		
68	ML213091	Giáo dục pháp luật ở trường THPT	3	2	1	3		
69	ML213031	Lý luận dạy học giáo dục công dân	3	2	1	3		
70	ML213092	Công dân với các vấn đề kinh tế học	2	2	0	2		
71	ML213089	Lý luận dạy học các môn lý luận	2	1	1	2		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
		chính trị						
72	ML213005	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	1	1	0	1		ML211033
Tổng:			31	25.5	5.5	29	1	

2.4.3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
73	ML213087	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	2	1	1	2		
74	ML214005	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	1	0	1	1		
75	ML214006	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	1	0	1	1		
76	ML214007	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3	1	0	1	1		
77	ML214008	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4	1	0	1	1		
78	ML214010	Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm	1	0.5	0.5	1		
79	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	0	1	1		
80	ML213046	Kiến tập sư phạm	2	0	2	2		
81	ML213052	Thực tập sư phạm	5	0	5	5		
Tổng:			15	1.5	13.5	15	0	

2.4.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
82	ML215001	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		7	
83	ML215002	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	3		3	
Các học phần chuyên đề tốt nghiệp								
84	ML215073	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	1	1	0		2	
85	ML215072	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	1	1	0			
86	ML215076	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	1	1	0			
87	ML215068	Giai cấp và nhà nước	1	1	0		2	
88	ML215069	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	1	1	0			
89	ML215003	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	1	0			
Tổng:			16	6	10	0	7	

3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
1	ML211030	Triết học Mác-Lênin	3	3	
2	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	
3	ML211004	Logic học	2	2	
4	ML212033	Quan hệ quốc tế	2	2	
5	SP211023	Tâm lý học giáo dục	3	3	
6	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	
7	SP211032	Thế dục cơ bản và Điền kinh	1		1
8	SP211039	Cờ vua 1	1		

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Tổng học kỳ 1:			17	15	1
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	
3	SP211024	Giáo dục học phổ thông	3	3	
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	
5	KC211027	Tin học đại cương	2	2	
6	SP212507	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	
7	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2		2
8	SP211020	Đại cương lịch sử thế giới	2		
9	SP2110033	Bóng chuyền cơ bản	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1		
12	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1		
13	SP211040	Cờ vua 2	1		
Tổng học kỳ 2:			22	13	3
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
2	ML213031	Lý luận dạy học giáo dục công dân	3	3	
3	SP211004	Văn hóa học đường	1	1	
4	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	
5	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1		1
6	SP211037	Taekwondo cơ bản	1		
7	SP211038	Bóng đá cơ bản	1		
8	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1		
9	SP211041	Cờ vua 3	1		
10	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	
11	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	
12	QP211012	Quân sự chung	1	1	
13	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	
Tổng học kỳ 3:			22	17	1
1	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
2	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	
3	ML215052	Giáo dục gia đình	2	2	
4	ML213087	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	2	2	
5	ML213083	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	2	2	
6	ML214003	Giao tiếp sư phạm	2	2	
7	ML211015	Đạo đức học Mác-Lênin	2	2	
8	SP211005	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	1	1	
9	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	
10	ML215004	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	1		1
11	ML213078	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	1		
Tổng học kỳ 4:			20	18	1
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
2	ML214005	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	1	1	
3	ML213090	Giáo dục kinh tế ở trường THPT	3	3	
4	ML213089	Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị	2	2	
5	ML214010	Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm	1	1	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
6	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	
7	KC211026	Khoa học môi trường	2	2	
8	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	
9	ML213086	Đổi ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	1	1	
10	ML213077	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	1		1
11	ML213081	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	1		
12	ML213046	Kiến tập sư phạm	2	2	
Tổng học kỳ 5:			20	18	1
1	ML214006	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	1	1	
2	ML214007	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3	1	1	
3	ML213091	Giáo dục pháp luật ở trường THPT	3	3	
4	ML213056	Hiến pháp và định chế chính trị	2	2	
5	ML214009	Phong cách Hồ Chí Minh	2	2	
6	ML211016	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	
8	ML213005	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	1	1	
9	ML213003	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin	2	2	
10	ML213092	Công dân với các vấn đề kinh tế học	2	2	
11	ML213048	Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	1		1
12	ML213080	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	1		
Tổng học kỳ 6:			20	18	1
1	ML214008	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4	1	1	
2	ML213072	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	2	2	
3	ML213039	Xây dựng Đảng	2	2	
4	ML215053	Chính trị học	2	2	
5	ML215065	Triết học về con người	2	2	
6	ML214004	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	2	2	
7	ML213049	Thực tế chuyên môn	1	1	
8	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	1	
9	ML213040	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	2	
10	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2		2
11	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2		
Tổng học kỳ 7:			19	15	2
1	ML213052	Thực tập sư phạm	5	5	
2	ML215001	Khóa luận tốt nghiệp	7		7
3	ML215002	Chuyên đề tốt nghiệp	3		3
Các học phần chuyên đề tốt nghiệp					
1	ML215073	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	1		
2	ML215072	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	1		2
3	ML215076	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	1		
4	ML215068	Giai cấp và nhà nước	1		
5	ML215069	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	1		2
6	ML215003	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	1		
Tổng học kỳ 8:			21	5	7

4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
1.	Triết học Mác - Lênin	3								2					
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3								2					
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3								2					
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								2					
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3								2					
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													
7.	Pháp luật Việt Nam đại cương						2					2			1
8.	Xã hội học đại cương											3			
9.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo						2								3
10.	Lịch sử văn minh thế giới	3													
11.	Đại cương lịch sử thế giới	3													
12.	Tiếng Việt thực hành	3													
13.	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	3													
14.	Tiếng Anh 1			3					3						
15.	Tiếng Anh 2			3					3						
16.	Tiếng Anh 3			3					3						
17.	Tiếng Anh 4			3					3						
18.	Tin học đại cương				3				3						
19.	Khoa học môi trường	3													
20.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục											3			
21.	Mỹ học Mác-Lênin	3													
22.	Công dân với các vấn đề kinh tế học								3		2				

23.	Quan hệ quốc tế	3															
24.	Logic học											3					
25.	Thế dục cơ bản và điện kinh																
26.	Cờ vua 1		3														
27.	Bóng chuyền cơ bản		3														
28.	Bơi lội cơ bản		3														
29.	Cầu lông cơ bản		3														
30.	Bóng bàn cơ bản		3														
31.	Cờ vua 2		3														
32.	Thế dục nhịp điệu cơ bản		3														
33.	Taekwondo cơ bản		3														
34.	Bóng đá cơ bản		3														
35.	Bóng rổ cơ bản		3														
36.	Cờ vua 3		3														
37.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		3														
38.	Công tác quốc phòng và an ninh		3														
39.	Quân sự chung		3														
40.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		3														
41.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3						2									
42.	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin						3										
43.	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh						3										
44.	Xây dựng Đảng														3	3	
45.	Triết học về con người	3															
46.	Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam		3														
47.	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế		3														
48.	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi		3														

	mới ở Việt Nam																
49.	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	3															
50.	Khởi nghiệp		3														
51.	Kỹ năng mềm		3														
52.	Tâm lý học giáo dục						3				3						
53.	Giáo dục học phổ thông						3				3						
54.	Phong cách Hồ Chí Minh	3				3											
55.	Những vấn đề của thời đại ngày nay					3											
56.	Chính trị học	3															
57.	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân										3	2	2	2			
58.	Giáo dục gia đình										2	2	2	2			
59.	Đạo đức học Mác-Lênin	3									2						
60.	Văn hóa học đường	3															
61.	Thực tế chuyên môn												3	3	3		
62.	Giao tiếp sư phạm	3											3	3			
63.	Hiến pháp và định chế chính trị					3							3	3			
64.	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	3															
65.	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	3															
66.	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	3															
67.	Giáo dục kinh tế ở trường THPT										3		3				
68.	Giáo dục pháp luật ở trường THPT										3		3				
69.	Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm										3		3				
70.	Lý luận dạy học các môn lý luận														3		

	chính trị													
71.	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	3											3	
72.	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	3											3	3
73.	Kiến tập sự phạm											3	3	3
74.	Thực tập sự phạm											3	3	3
75.	Lý luận dạy học giáo dục công dân											3	3	
76.	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân											3	3	
77.	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 1											3	3	3
78.	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 2											3	3	3
79.	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 3											3	3	3
80.	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 4											3	3	3
81.	Thực hành kỹ năng sự phạm											3	3	3
82.	Khóa luận tốt nghiệp								3	3				
83.	Chuyên đề tốt nghiệp								3	3				
84.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc								3	3			3	3
85.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục ĐĐCM cho thanh niên								3	3			3	3
86.	Chủ nghĩa tư bản hiện đại						2					2		
87.	Giai cấp và nhà nước						2					2		
88.	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội						2					2		
89.	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam						2					2		

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đề trống = không đóng góp.

5. Mô tả vắn tắt các học phần

5.1. ML211030, Triết học Mác - Lênin, 03 tín chỉ (3/0)

Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

5.2. ML211031, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.

5.3. ML211032, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 02 tín chỉ (2/0)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

5.4. ML211002, Tư tưởng Hồ Chí Minh, 02 tín chỉ (1,5/0,5)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

5.5. ML211002, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 02 tín chỉ (1,4 /0,6)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5.6. SP211003, Cơ sở văn hóa Việt Nam, 02 tín chỉ (2 /0)

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khái niệm, cấu trúc, loại hình văn hóa, tiến trình, đặc trưng, giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Việt Nam. Làm cơ sở giúp sinh viên nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

5.7. NL211702, Pháp luật Việt Nam đại cương, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống. Các nội dung cụ thể bao gồm: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng, chống tham nhũng...

5.8. SP211006, Xã hội học đại cương, 02 tín chỉ (2/0)

Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này gồm có các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.

5.9. SP211005, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần tập trung các nội dung về Một số vấn đề về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quan điểm của Hồ Chí Minh về GD&ĐT, Quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT; Chiến lược phát triển giáo dục; Luật Giáo dục; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Điều lệ Nhà trường, Chuẩn giáo viên; Văn bản quản lý HCNN và Giáo dục địa phương.

Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục - đào tạo, giúp người học nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục; kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục; chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

5.10. SP211008, Lịch sử văn minh thế giới, 02 tín chỉ (2/0)

Nền văn hoá, văn minh thế giới qua các thời đại vô cùng phong phú và độc đáo, là kho tàng tri thức vô tận đối với con người. Sinh viên cần trang bị những kiến thức về Lịch sử văn minh thế giới vừa giúp cho người học làm giàu vốn kiến thức, hình thành tư tưởng nhân văn, tiến bộ, vừa rèn luyện phương pháp tư duy lịch sử, qua đó giúp người học có thể luận giải những vấn đề thuộc về văn hoá, văn minh; sự hình thành, phát triển của các nền văn minh trong lịch sử. Đồng thời, qua học phần này, người học sẽ nhận thấy sự sáng tạo liên tục và kì diệu của nhân loại, xã hội loài người không ngừng tiến bộ là nhờ vai trò của văn hoá, văn minh, và đây cũng là tư tưởng nhân văn sâu sắc qua việc học tập và nghiên cứu học phần này. Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các khái niệm văn hoá, văn minh, khái lược các nền văn minh lớn trong lịch sử, sự giao thoa giữa các nền văn minh, văn minh phương Đông cổ trung đại, văn minh phương Tây cổ trung đại, văn minh nhân loại thời cận hiện đại.

5.11. SP211020, Đại cương lịch sử thế giới, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần đại cương lịch sử thế giới được cấu trúc làm 3 Chương, trình bày một cách hệ thống và cơ bản nhất về lịch sử nhân loại từ thời đại nguyên thủy đến thời hiện đại. Sự phân chia lịch sử thế giới thành 3 chương sẽ vừa đảm bảo giúp sinh viên có những hiểu biết căn bản về

thông sử thế giới, đồng thời cũng có những hiểu biết cụ thể về những nội dung lịch sử thế giới quan trọng. Sự phân bố dựa vào thời lượng và cấu trúc giữa các chương đảm bảo cho sinh viên hiểu biết sâu rộng và tiếp cận lịch sử từ gần đến xa (*theo thời gian và không gian*). Học phần này sẽ trang bị những kiến thức nền tảng căn bản cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị để dễ dàng tiếp thu kiến thức đối với các học phần chuyên ngành.

5.12. SP211001, Tiếng Việt thực hành, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần *Tiếng Việt thực hành* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lí thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: *Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.*

5.13. SP211018, Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, 02 tín chỉ (2/0)

Nội dung Học phần *Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên* cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sinh tế truyền thống, thiết chế tổ chức xã hội, tổ chức cá nhân; Đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng thực hành, nhận diện, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.

5.14. FL211060, Tiếng Anh 1, 03 tín chỉ (3/0)

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.

5.15. FL211061, Tiếng Anh 2, 03 tín chỉ (3/0)

Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên. Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

5.16. FL211062, Tiếng Anh 3, 03 tín chỉ (3/0)

Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết

tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

5.17. FL211063, Tiếng Anh 4, 03 tín chỉ (3/0)

Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn. Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

5.18. KC211027, Tin học đại cương, 02 tín chỉ (1/1)

Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.

5.19. KC211026, Khoa học môi trường, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên thiên nhiên; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyển và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.

5.20. SP212507, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần này hướng tới việc trang bị cho người học những vấn đề lý luận về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, cụ thể ở đây là khoa học giáo dục, qua đó từng bước hình thành tinh thần đam mê và những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học.

5.21. ML211016, Mỹ học Mác-Lênin, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Mỹ học Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về mỹ học theo quan điểm của mỹ học Mác - Lênin. Hình thành cho người học năng lực thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh.

5.22. ML213092, Công dân với các vấn đề kinh tế học, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Công dân với các vấn đề kinh tế học giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức, những nguyên lý cơ bản trong hoạt động kinh tế của con người, cách thức con người sử dụng các nguồn lực có giới hạn vào hoạt động kinh tế để mang lại hiệu quả cao nhất trong khả năng sản

xuất. Nội dung chính của học phần được thiết kế trên cơ sở những nội dung cơ bản để đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học, bổ sung những kiến thức để sinh viên có thể soạn giảng tốt phần Giáo dục kinh tế trong chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông.

5.23. ML212033, Quan hệ quốc tế, 02 tín chỉ (2/0)

Quan hệ quốc tế là quan hệ chính trị giữa nhà nước này với nhà nước khác, là sự tổng hợp của những mối quan hệ trên các lĩnh vực của các chủ thể hành động trong cộng đồng quốc tế, là công việc chính trị quốc tế mà các nhà nước và các tập đoàn chính trị tham gia, là tổng hợp những chế định và hình thức hoạt động quốc tế.

5.24. ML211004, Logic học, 02 tín chỉ (2/0)

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Triết học và Giáo dục Chính trị. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hình thức vận động logic của tư duy, xây dựng những quy tắc, quy luật vận động và phát triển của tư duy hình thức, qua đó xác lập những nguyên tắc để hình thành phán đoán và suy luận logic. Qua việc công thức hóa các suy luận trong khoa học và đời sống thường ngày, logic hình thức còn cung cấp cơ sở để xác lập các trị số logic trong những trường hợp cụ thể để có thái độ phù hợp đối với từng trường hợp trong nhận thức và thực tiễn xã hội.

5.25. SP211032, Thể dục cơ bản và Điền kinh, 01 tín chỉ (0/1)

Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.

5.26. SP211039, Cờ vua 1, 01 tín chỉ (0/1)

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

5.27. SP211033, Bóng chuyền cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền. Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

5.28. SP211034, Bơi lội cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi éch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi éch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.

5.29. SP211038, Cầu lông cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động.

Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.

5.30. SP211042, Bóng bàn cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên. Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.

5.31. SP211040, Cờ vua 2, 01 tín chỉ (0/1)

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

5.32. SP211036, Thể dục nhịp điệu cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó. Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe. Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.

5.33. SP211037, Taekwondo cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.

5.34. SP211038, Bóng đá cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ. Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.

5.35. SP211043, Bóng rổ cơ bản, 01 tín chỉ (0/1)

Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần

lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

5.36. SP211041, Cờ vua 3, 01 tín chỉ (0/1)

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

5.37. QP211011, Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, 03 tín chỉ (3/0)

Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.

5.38. QP211006, Công tác quốc phòng và an ninh, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

5.39. QP211012, Quân sự chung, 01 tín chỉ (0,7/0,3)

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiên công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

5.40. QP211013, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, 02 tín chỉ (0/2)

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiên công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

5.41. ML211005, Lịch sử các học thuyết kinh tế, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế là một trong những học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở đối với sinh viên khối ngành kinh tế và lý luận chính trị, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển và thay thế nhau của những học thuyết kinh tế cơ bản trên thế giới như học thuyết kinh tế Trọng thương, học thuyết Tư sản cổ điển, học thuyết Mác - Lênin, học thuyết Tân cổ điển, học thuyết Keynes, học thuyết của Chủ nghĩa tự do mới, học thuyết kinh tế trường phái Chính hiện đại và các lý thuyết về tăng trưởng, phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Trên cơ sở nhận thức về những nội dung của các học thuyết kinh tế trong tiến trình lịch sử diễn ra trên thế giới, từ đó người học có khả năng hiểu biết và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn có liên quan.

5.42. ML213003, Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin, 02 tín chỉ (2/0)

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục chính trị. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh ra đời, mục đích và nội dung căn bản của các tác phẩm tiêu biểu của Mác – Ăngghen - Lênin. Đặc biệt, thông qua việc phân tích một số tác phẩm tiêu biểu, học phần góp phần làm rõ quá trình hình thành và chuyển biến tư tưởng, lập trường của các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác; giúp người học nắm vững những vấn đề lý luận cốt lõi của triết học Mác – Lênin một cách có hệ thống. Học phần cũng làm rõ quá trình Lênin bổ sung và phát triển những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần chỉ ra mối quan tâm của Lênin về chiến lược và sách lược cách mạng, tiếp tục bổ sung và phát triển phép biện chứng của sự phát triển xã hội, chú trọng đến nhân tố chủ quan trong sự phát triển của xã hội. Từ đó, cung cấp cho người học những nội dung lý luận và hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện hiện thực xã hội luôn biến đổi.

5.43. ML213072, Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh, 02 tín chỉ (2/0)

Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành cử nhân Giáo dục chính trị. Môn học này có quan hệ chặt chẽ với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần tập trung giới thiệu, làm rõ hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản, ý nghĩa, giá trị của 05 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường cách mệnh (1927), Tuyên ngôn độc lập (1945), Sửa đổi lỗi lầm việc (1947), Di chúc (1969).

5.44. ML213039, Xây dựng Đảng, 02 tín chỉ (2/0)

Xây dựng Đảng là môn khoa học về sự lãnh đạo của Đảng với xã hội; về những nguyên tắc và phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện có chính quyền; về những nguyên tắc tổ chức xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng.

5.45. ML215065, Triết học về con người, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần này trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của các nhà triết học về vấn đề con người từ trước triết học Mác đến ngày nay, đồng thời, giúp sinh viên hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề con người trong điều kiện cách mạng ở Việt Nam. Từ đó làm cho sinh viên hiểu rõ triết học Mác - Lênin về vấn đề con người chính là sự kế thừa, phát triển sáng tạo, khoa học các quan điểm trong lịch sử.

5.46. ML213048, Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam, 01 tín chỉ (1/0)

Môn học được biên soạn gồm 2 chương, phản ánh một cách tương đối có hệ thống những truyền thống quý báu của Đảng được hình thành từ khi ra đời đến nay. Qua đó, sinh viên rút ra được ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho công tác xây dựng Đảng hiện nay.

5.47. ML213080, Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về quá trình ra đời, hoạt động của tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân, trọng tâm là sự ra đời, hoạt động và đóng góp của Quốc tế cộng sản (Quốc tế III) đối với phong trào cộng sản và công nhân trên toàn thế giới.

5.48. ML215004, Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam, 01 tín chỉ (1/0)

Đảng lãnh đạo, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt và trực tiếp nhất là nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược của mình.

5.49. ML213078, Chủ nghĩa xã hội hiện thực, 01 tín chỉ (1/0)

Môn học Chủ nghĩa xã hội hiện thực trang bị tương đối cơ bản các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới từ 1917 đến nay. Trong đó đi sâu phân tích các vấn đề: CNXH từ không tưởng đến khoa học, sự ra đời và phát triển của CNXH Liên xô và những thành tựu của nó, sự ra đời của hệ thống XHCN thế giới và sự ảnh hưởng tích cực đến lịch sử nhân loại, sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên xô và Đông Âu và những bài học kinh nghiệm, triển vọng và tương lai của CNXH...

5.50. KT213007, Khởi nghiệp, 02 tín chỉ (1,5/0,5)

Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.

5.51. KT212202, Kỹ năng mềm, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành.

5.52. SP211023, Tâm lý học giáo dục, 03 tín chỉ (3/0)

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học; xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất.

Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác; trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm, tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp. Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.

5.53. SP211017, Giáo dục học phổ thông, 03 tín chỉ (3/0)

Giáo dục học phổ thông giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học,

những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lí luận dạy học, lí luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lí luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông.

Bên cạnh đó, giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kĩ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo học pháp bộ môn.

5.54. ML214009, Phong cách Hồ Chí Minh, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Phong cách Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị. Học phần Phong cách Hồ Chí Minh có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh, Phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào thực tiễn, hình thành nên phong cách tư duy, làm việc, diễn đạt, ứng xử, sống của bản thân. Học phần Phong cách Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh; Hệ thống phong cách Hồ Chí Minh bao gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử, phong cách sống; Vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào thực tiễn.

5.55. ML213040, Những vấn đề của thời đại ngày nay, 02 tín chỉ (2/0)

Môn học Những vấn đề thời đại ngày nay trang bị những tri thức cơ bản về những vấn đề của thời đại ngày nay mà nhân loại đang phải chung tay để giải quyết như: vấn đề chiến tranh và hòa bình, bùng nổ dân số, bảo vệ môi trường toàn cầu, việc làm, đói nghèo, tệ nạn xã hội, dịch bệnh, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa...từ đó đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm đẩy lùi các vấn đề trên.

5.56. ML215053, Chính trị học, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực chính trị từ các hệ tư tưởng cách mạng lớn của thế giới và Việt Nam đến các thiết chế chính trị qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó tập trung làm rõ hệ tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, quá trình vận dụng ở Việt Nam và lịch sử hình thành, phát triển và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

5.57. ML214004, Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân, 02 tín chỉ (1,5/0,5)

Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nội dung, vai trò, chức năng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp tri thức về các hình thức kiểm tra, xây dựng cấu trúc bài kiểm tra, thiết kế bài kiểm tra và tổ chức kiểm tra. Sinh viên cũng được tiếp cận với quan điểm đổi mới trong kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân theo hướng phát huy năng lực người học.

5.58. ML215052, Giáo dục gia đình, 02 tín chỉ (2/0)

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục gia đình. Hiểu được chức năng, đặc điểm và tính chất của gia đình. Giáo dục gia đình qua các giai đoạn và nội dung của giáo dục gia đình, qua đó phân tích được thực trạng biến đổi của gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Từ đó dự báo được xu hướng biến đổi của nó.

5.59. ML211015, Đạo đức học Mác-Lênin, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Đạo đức Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đạo đức học và đạo đức học Mác - Lênin. Từ đó, người học được hoàn thiện nhân cách đạo đức trở thành một người vừa có tài, vừa có đức.

5.60. SP211004, Văn hóa học đường, 01 tín chỉ (1/0)

Xây dựng văn hóa nhà trường tại các cơ sở giáo dục trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế hiện nay là một nhiệm vụ rất quan trọng, được Chính phủ (đề án 1299 năm 2018), Bộ GD & ĐT (Kế hoạch hành động 1506 năm 2019), tỉnh Đắk Lắk (chỉ thị

04 năm 2020) và Trường Đại học Tây Nguyên (Quyết định số 1576/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 16/8/2016) rất quan tâm chỉ đạo.

Văn hóa học đường là học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lí luận về văn hóa học đường, những tác động của nhà trường đến nhân cách người học, những hình thức cơ bản của văn hóa học đường. giúp người học nắm bắt được những yêu cầu của xã hội đối với giáo viên, học sinh, sinh viên khi ứng xử, sinh hoạt, tham gia các hoạt động trong nhà trường. Đồng thời học phần này còn giúp cho sinh viên tự giác thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường, định hướng được mục đích cũng như lựa chọn cho bản thân rèn luyện thái độ, hành vi đúng đắn theo đòi hỏi của xã hội, có mong muốn góp phần làm cho văn hóa nhà trường ngày càng tiến bộ hơn, góp phần xây dựng nhà trường văn hóa.

5.61. ML213049, Thực tế chuyên môn, 02 tín chỉ (0/2)

Học phần này giúp sinh viên có điều kiện tiếp xúc với thực tế đất nước qua việc tham quan các di tích lịch sử, các chứng tích chiến tranh và các cơ sở sản xuất, kinh doanh... qua đó sinh viên có những hiểu biết cơ bản về quá khứ, hiện tại và tương lai.

5.62. ML214006, Giao tiếp sư phạm, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, giao tiếp sư phạm; giúp sinh viên hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng; tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lí luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.

5.63. ML213056, Hiến pháp và định chế chính trị, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Hiến pháp và định chế chính trị là học phần nhằm trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam như chế độ chính trị; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau: Những vấn đề lí luận cơ bản về luật Hiến pháp và khoa học Luật hiến pháp; Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Chế độ/chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; Bảo vệ Tổ quốc (quốc phòng, an ninh quốc gia); Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

5.64. ML213086, Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần giúp người học tìm hiểu bối cảnh lịch sử, những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Làm rõ những kết quả đạt được của lĩnh vực đối ngoại đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5.65. ML213077, Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình nhận thức, hình thành, bổ sung, phát triển và thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam.

5.66. ML213081, Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa, 01 tín chỉ (1/0)

Môn học Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cung cấp cho người học hệ thống các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ không tưởng cho

đến khoa học. Đồng thời, khẳng định sức sống và giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng.

5.67. ML213090, Giáo dục kinh tế ở Trường Trung học phổ thông, 03 tín chỉ (2/1)

Học phần *Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông* giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động của nền kinh tế; hoạt động kinh tế của Nhà nước; hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (theo chương trình Giáo dục công dân mới) để sinh viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đảm nhiệm tốt công việc tương lai nói chung. Để sinh viên có thể nghiên cứu, học tập học phần *Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông* một cách hiệu quả nhất, học phần này phải được học sau học phần *Công dân với các vấn đề kinh tế học* (ML213092).

5.68. ML213091, Giáo dục pháp luật ở Trường Trung học phổ thông, 03 tín chỉ (2/1)

Học phần *Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông* giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; hệ thống chính trị; pháp luật về hình sự, dân sự, doanh nghiệp và lao động. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (theo chương trình Giáo dục công dân mới) để sinh viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đảm nhiệm tốt công việc trong tương lai đồng thời để sinh viên có thể nghiên cứu, học tập học phần *Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông* một cách hiệu quả nhất.

5.69. ML214010, Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm, 01 tín chỉ (0,5/0,5)

Học phần Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm là học phần bắt buộc dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị năm thứ 4. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Kỹ năng mềm, Tâm lý học giáo dục, Văn hóa học đường, Giao tiếp sư phạm, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm, góp phần giúp sinh viên hiểu biết và có kỹ năng thực hiện các công việc của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. Học phần Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Vị trí, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông; Những yêu cầu sư phạm đối với người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông; Những kỹ năng công tác cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm.

5.70. ML213089, Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị, 02 tín chỉ (1/1)

Học phần Lý luận dạy học các môn Lý luận chính trị là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về: Bối cảnh thế giới và trong nước tác động đến dạy học các môn Lý luận chính trị; Vai trò, nhiệm vụ của giảng viên môn Lý luận chính trị; Mục tiêu, nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị; Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị; Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị.

5.71. ML213005, Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần giúp người học tìm hiểu quá trình, ra đời và lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở Tây Nguyên của các tổ chức, cơ sở Đảng ở Tây Nguyên. Qua đó giúp người học có thêm những hiểu biết các phong trào đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng Tổ quốc của nhân dân các dân tộc ở Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, theo chủ trương, đường lối của Đảng.

5.72. ML213083, Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh, 02 tín chỉ (2/0)

Học phần Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị và Triết học. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về nghệ thuật tuyên truyền Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào lĩnh vực công tác của bản thân. Học phần Phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở hình thành phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh; Những đặc trưng cơ bản của phương pháp tuyên

truyền cách mạng Hồ Chí Minh; Vận dụng phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh vào thực tiễn hoạt động giảng dạy các môn học chính trị; Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng và chuẩn bị, thực hiện một bài giảng lý luận chính trị

5.73. SP213052, Kiến tập sư phạm, 02 tín chỉ (0/2)

Học phần “Kiến tập sư phạm” được thiết kế cho sinh viên các chuyên ngành Sư phạm, là điều kiện để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Học phần nhằm giúp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp qua quan sát tìm hiểu thực tế về Nhà trường, giáo viên, học sinh (HS); Dự giờ, quan sát lớp học thực tế, các hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm của giáo viên; nắm bắt thông tin các loại hình kiểm tra kết quả học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động của giáo viên và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết nhật ký kiến tập sư phạm. Qua thời gian đi kiến tập sư phạm sẽ giúp cho các sinh viên định hướng, chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập một cách hiệu quả.

5.74. SP216417, Thực tập sư phạm, 05 tín chỉ (0/5)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của thực tập sư phạm (TTSP); Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, trách nhiệm của giáo viên hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật ký TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông.

Học phần chủ yếu dành thời gian để sinh viên vận dụng toàn bộ những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, năng lực sư phạm đã tích lũy được trong 4 năm học tập, nghiên cứu tại trường sư phạm để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.

5.75. ML213031, Lý luận dạy học môn giáo dục công dân, 03 tín chỉ (2/1)

Học phần Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân xác định cho sinh viên đúng vị trí, nhiệm vụ quan trọng của môn Giáo dục công dân ở nhà trường trung học phổ thông, từ đó có nhận thức và tình cảm đúng đắn đối với việc giảng dạy môn học. Học phần nghiên cứu quy luật và tính quy luật của quá trình dạy và học môn Giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông, khái quát đặc điểm cơ bản về nội dung môn học để từ đó xây dựng lý luận dạy học cơ bản cho sinh viên như: các nguyên tắc dạy học, các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học.

5.76. ML213087, Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân, 02 tín chỉ (1/1)

Học phần Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chương trình Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông và những kiến thức về phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân hiện nay được các giáo viên vận dụng ở các trường Trung học phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên còn được định hướng trong việc xác định phương pháp dạy học cho phù hợp với các đơn vị kiến thức ở mỗi bài. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên được thực hành vận dụng kiến thức đã học để soạn bài và tập giảng tối thiểu một tiết môn Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12.

5.77. ML214005, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 01 tín chỉ (0/1)

Trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết để từng bước làm quen với những công việc cụ thể như nói và viết của người giáo viên giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

5.78. ML214006, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2, 01 tín chỉ (0/1)

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên tri thức và kỹ năng cần thiết để từng bước làm quen với việc tổ chức thảo luận nhóm cho người học. Học phần đề cập đến hai nội dung chủ yếu: Rèn luyện kỹ năng chuẩn bị và kỹ năng tổ chức một buổi thảo luận nhóm trên lớp. Từ đó, học phần giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng cần thiết của người giáo viên giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Để sinh viên có thể học tập hiệu quả nhất, học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 phải được học sau học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1.

5.79. ML214007, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3, 01 tín chỉ (0/1)

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3 là học phần nằm trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị thuộc khối ngành sư phạm nhằm trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết trong xây dựng câu hỏi và bài tập tình huống cho sinh viên trong giảng dạy môn Giáo dục công dân tại trường trung học phổ thông.

5.80. ML214008, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4, 01 tín chỉ (0/1)

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của ngành Giáo dục chính trị. Cùng với các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2, 3, học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp cơ bản để thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, bao gồm: Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới; Một số khung thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân; Thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm MS. Power Point.

5.81. ML215073, Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc, 01 tín chỉ (1/0)

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng Việt Nam, bao gồm: Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng Việt Nam.

5.82. ML215072, Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên là học phần tự chọn trong phần chuyên đề tốt nghiệp dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị năm thứ 4. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về tư tưởng giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên của Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào lĩnh vực công tác của bản thân. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên; Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

5.83. ML215061, Chủ nghĩa tư bản hiện đại, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần *Chủ nghĩa tư bản hiện đại* trang bị cho sinh viên những lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về đặc điểm của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đặc trưng cơ bản, những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới và vận dụng phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay.

5.84. ML215068, Giai cấp và nhà nước, 01 tín chỉ (1/0)

Học phần *Giai cấp và nhà nước* là học phần tự chọn nằm trong nhóm chuyên đề tốt nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên có những hiểu biết về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Về nhà nước nói chung và sự ra đời của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.

5.85. ML215069, Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội, 01 tín chỉ (1/0)

Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên Giáo dục Chính trị và khối kiến thức chuyên đề cuối khóa trong chương trình đào tạo chuyên ngành Triết học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và các cấp

độ phát triển của tư duy; các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận và vai trò của nó đối với nhận thức nói chung và nhận thức xã hội nói riêng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận trực tiếp để nhận thức xã hội; vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

5.86. ML215003, Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, 01 tín chỉ (1/0)

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về công tác tổ chức của Đảng qua các giai đoạn lịch sử.

5.87. SP213031, Thực hành kỹ năng sư phạm, 01 tín chỉ (0/1)

Học phần gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.

6. Đề cương chi tiết các học phần

Thực hiện theo Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị.

7. Đối sánh với các chương trình đào tạo

7.1. Đối sánh với Trường Đại học Cần Thơ

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị ở Trường Đại học Tây Nguyên 120 tín chỉ, Trường Đại học Cần Thơ 141 tín chỉ. Số học phần tương đồng là 40 học phần; Số học phần khác biệt là 25 học phần trong CTĐT ngành Giáo dục chính trị của Trường Đại học Tây Nguyên có nhưng trong Chương trình đào tạo Trường Đại học Cần Thơ không có (có Bảng đối sánh chi tiết kèm theo).

Những học phần Trường Đại học Tây Nguyên có, Trường Đại học Cần Thơ không có:

STT	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC	
1	Khoa học môi trường	KHTN - KHMT	
2	Lịch sử văn minh thế giới	KHXX&NV, NT	
3	Tiếng Việt thực hành		
4	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số TN		
5	Quan hệ quốc tế		
6	Xây dựng Đảng	Cơ sở ngành	
7	Triết học về con người		
8	Những truyền thống vẻ vang của ĐCS Việt Nam		
9	Lịch sử PT Cộng sản và CN quốc tế		
10	SMLS của GCCN trong thời đại ngày nay		
11	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam		
12	Chủ nghĩa xã hội hiện thực		
13	Phong cách Hồ Chí Minh		
14	Những vấn đề của thời đại ngày nay		
15	Giáo dục dân số - Sức khỏe sinh sản		Chuyên ngành
16	Văn hóa học đường		
17	Giao tiếp sư phạm		
18	Lý luận về HTKT-XH và quá độ lên CNXH ở Việt Nam		
19	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CHXH ở Việt Nam		
20	Nền dân chủ XHCN và quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay		
21	Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp		

	luận khoa học	
22	Công dân với đạo đức	
23	Công dân với kinh tế	
24	Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội	
25	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	Chuyên đề tốt nghiệp
26	Lý luận về KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam	
27	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	
28	TT HCM về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	
29	TT HCM về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	
30	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	
31	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	

Các học phần Trường ĐH Cần Thơ có, Trường ĐH Tây Nguyên không có:

STT	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC
1	Thống kê cho KHXH	Khối kiến thức GD đại cương
2	Văn bản và lưu trữ học đại cương	
3	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	Khối kiến thức cơ sở ngành
4	Lý luận dạy học Ngữ văn và KHXH	
5	PPNC khoa học lý luận chính trị	
6	Phát triển chương trình giáo dục Ngữ văn và KHXH	
7	Đánh giá kết quả học tập Ngữ văn và KHXH	
8	Thực tế ngoài trường khoa học chính trị	
9	Luật Hành chính đô thị	
10	Luật Môi trường	
11	Giáo dục hòa nhập	
12	Lịch sử văn hóa và giáo dục Việt Nam	
13	Những vấn đề kinh tế - chính trị đương đại	
14	Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	
15	Luật Hiến pháp	
16	Luật Dân sự	
17	Luật Hình sự	
18	Luật Hôn nhân và gia đình	
19	Luật Bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em	
20	Ứng dụng CNTT trong dạy học GD CD	
21	Chuyên đề Triết học Mác – Lênin	
22	Chuyên đề Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
23	Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học	
24	Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
25	Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh	
26	Niên luận Triết học Mác – Lênin	
27	Niên luận Chủ nghĩa xã hội khoa học	
28	Niên luận Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
29	Niên luận Tư tưởng Hồ Chí Minh	

Các học phần tương đồng:

STT	TÊN HỌC PHẦN
1	Triết học Mác-Lênin
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

6	Cơ sở văn hóa Việt Nam
7	Lịch sử Việt Nam đại cương
8	Pháp luật Việt Nam đại cương
9	Xã hội học đại cương
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo
11	Tiếng Việt thực hành
12	Khoa học môi trường
13	Mỹ học Mác-Lênin
14	Lịch sử Triết học
15	Logic học
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế
17	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin
18	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh
19	Xây dựng Đảng
20	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế
21	Tôn giáo học
22	Khởi nghiệp
23	Kỹ năng mềm
24	Tâm lý học giáo dục
25	Giáo dục học phổ thông
26	Những vấn đề của thời đại ngày nay
27	Chính trị học
28	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân
29	Đạo đức học Mác-Lênin
30	Đôi ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử
31	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa
32	Công dân với pháp luật
33	Kiến tập sự phạm
34	Thực tập sự phạm
35	Lý luận dạy học giáo dục công dân
36	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân
37	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1
38	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2
39	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3
40	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4

7.2. Đối sánh với Trường Đại học Quy Nhơn

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị ở Trường Đại học Tây Nguyên 120 tín chỉ, Trường Đại học Quy Nhơn 140 tín chỉ. Số học phần giống nhau 18; Số học phần tương đồng là 20; Số học phần khác biệt là 25 học phần trong CTĐT ngành Giáo dục chính trị của Trường Đại học Tây Nguyên có nhưng trong Chương trình đào tạo Trường Đại học Quy Nhơn không có (có Bảng đối sánh chi tiết kèm theo).

Những học phần giống nhau:

STT	TÊN HỌC PHẦN
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam
2	Pháp luật Việt Nam đại cương
3	Xã hội học đại cương
4	Lịch sử văn minh thế giới
5	Tin học đại cương

6	Phương pháp NCKH giáo dục
7	Lịch sử triết học
8	Quan hệ quốc tế
9	Lôgic học
10	Lịch sử các học thuyết kinh tế
11	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin
12	Giới thiệu một số tác phẩm của Hồ Chí Minh
13	Xây dựng Đảng
14	Chính trị học
15	Thực tế chuyên môn
16	Giao tiếp sư phạm
17	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa
18	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

Những học phần tương đồng:

STT	ĐH TÂY NGUYÊN	ĐH QUY NHƠN
1	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo (1TC)	Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (2TC)
2	Tiếng việt thực hành	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng việt thực hành
3	Khoa học môi trường	Giáo dục môi trường (tự chọn)
4	Mỹ học Mác – Lênin	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ
5	Chuyên đề kinh tế học	Kinh tế học (tự chọn)
6	Triết học về con người	Nhân học và triết học về con người (tự chọn)
7	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam – tự chọn (1 TC)	Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới - thực tiễn và nhận thức lý luận (2TC)
8	CNXH hiện thực – tự chọn (1TC)	Những vấn đề lý luận và thực tiễn của mô hình CNXH hiện thực (2TC)
9	Tôn giáo học – tự chọn (1 TC)	Tôn giáo học và các vấn đề tôn giáo ở VN (2 TC)
10	Tâm lý học giáo dục	Tâm lý học
11	Giáo dục học phổ thông (3 TC)	Giáo dục học 4 TC
12	Phong cách Hồ Chí Minh	Phương pháp luận và phong cách Hồ Chí Minh
13	Những vấn đề của thời đại ngày nay	Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay
14	Giáo dục gia đình	Gia đình và giáo dục gia đình ở Việt Nam
15	Đạo đức học Mác – Lênin	Đạo đức học và giáo dục đạo đức
16	Giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản	Giáo dục dân số tự chọn
17	Công dân với pháp luật	Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông tự chọn
18	Lý luận dạy học môn GDCD	Lý luận và phương pháp dạy học chính trị - GDCD
19	Phương pháp dạy học môn GDCD	Phương pháp dạy học chính trị - GDCD
20	Lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam – tự chọn	Xây dựng thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay

Những học phần của Trường ĐH Tây Nguyên có, Trường ĐH Quy Nhơn không có:

STT	TÊN HỌC PHẦN
1	Lịch sử Việt Nam đại cương
2	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên
3	Những truyền thống vẻ vang của Đảng
4	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế
5	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời đại ngày nay
6	Khởi nghiệp
7	Kỹ năng mềm
8	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học GDCD
9	Văn hóa học đường
10	Hiến pháp và định chế chính trị
11	Lý luận về hình thái kinh tế xã hội và quá độ lên CNXH ở VN
12	Đối ngoại VN qua các thời kỳ lịch sử
13	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở VN
14	Nền dân chủ XHCN và quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở VN hiện nay
15	Công dân với việc hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học
16	Công dân với đạo đức
17	Công dân với kinh tế
18	Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội
19	CNTB hiện đại
20	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh
21	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội
22	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên
23	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc
24	Lịch sử đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên
25	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam

7.3. Đối sánh với Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị của Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh có 135 tín chỉ so với 120 tín chỉ của Trường Đại học Tây Nguyên, trong đó: Số học phần giống nhau (tương đồng): 09 học phần; Số học phần khác biệt: Có tổng số 31 học phần trong CTĐT ngành Giáo dục chính trị của Trường Đại học Tây Nguyên có nhưng trong Chương trình đào tạo Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh không có (có Bảng đối sánh chi tiết kèm theo).

Những học phần ngành GDCT Trường ĐH Tây Nguyên có, Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh không có:

STT	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC
1	Khoa học môi trường	KHTN - KHMT
2	Quản lý hành chính nhà nước và QLGD đào tạo	KHXH-NV, nghệ thuật
3	Lịch sử văn minh thế giới	
4	Tiếng Việt thực hành	
5	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	
6	Quan hệ quốc tế	Cơ sở ngành
7	Xây dựng Đảng	
8	Triết học về con người	
9	Những truyền thống vẻ vang của ĐCS Việt Nam	
10	Lịch sử PT Cộng sản và CN quốc tế	
11	SMLS của GCCN trong thời đại ngày nay	
12	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	

13	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	
14	Khởi nghiệp	
15	Kỹ năng mềm	
16	Phong cách Hồ Chí Minh	
17	Những vấn đề của thời đại ngày nay	
18	Giáo dục dân số - Sức khỏe sinh sản	Chuyên ngành
19	Văn hóa học đường	
20	Thực tế chuyên môn	
21	Giao tiếp sư phạm	
22	Lý luận về HTKT-XH và quá độ lên CNXH ở Việt Nam	
23	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	
24	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CHXH ở Việt Nam	
25	Nền dân chủ XHCN và quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay	
26	Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học	
27	Công dân với đạo đức	
28	Công dân với kinh tế	
29	Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội	
30	Công dân với pháp luật	
31	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	
32	Lý luận về KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam	
33	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	
34	TT HCM về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	
35	TT HCM về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	
36	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	
37	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	

Các học phần Trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có, Trường Đại học Tây Nguyên không có:

STT	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC
1	Truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam	Cơ sở ngành
2	Văn hóa học	Chuyên ngành
3	Đạo đức Hồ Chí Minh	
4	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	
5	Giáo dục đạo đức nhà giáo	
6	Chuyên đề triết học	
7	Kinh tế học đại cương	
8	Kinh tế phát triển	
9	Lịch sử kinh tế quốc dân	
10	Kinh tế quốc tế	
11	Giới và bình đẳng giới	
12	Xã hội học giáo dục	
13	Quyền con người, quyền công dân	
14	Lịch sử triết học Mác – Lênin	
15	Văn kiện Đảng	
16	Các trào lưu triết học phương Tây hiện đại	
17	Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	
18	Lý luận dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	

19	Môi trường và phát triển bền vững	
20	Nhập môn nghề giáo	HP nghề nghiệp cơ sở chung
21	Giao tiếp sư phạm	
22	Tổ chức hoạt động ở trường PT	
23	Phát triển chương trình môn học	HP nghề nghiệp chuyên ngành
24	Lý luận và phương pháp dạy học các môn LLCT	
25	Ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDCD	
26	Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	
27	Nghiên cứu thực tế GDCD	
28	Chuyên đề đạo đức học	Chuyên đề tốt nghiệp
29	Chuyên đề văn hóa học	
30	Chuyên đề Giáo dục thẩm mỹ	
31	Chuyên đề Phương pháp dạy học	
32	Chuyên đề Pháp luật học	

Các học phần tương đương:

STT	TRƯỜNG ĐHSPT TP HỒ CHÍ MINH	TRƯỜNG ĐHTÂY NGUYÊN
1	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học môn GDCD trong trường PT	Kỹ năng mềm
2	Lịch sử tư tưởng XHCN phương Tây	Lịch sử tư tưởng XHCN
3	Chuyên đề kinh tế chính trị học	Chuyên đề kinh tế học
4	Chuyên đề CNXH khoa học	Những vấn đề của thời đại ngày nay
		Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay
5	Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh
6	Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam
		Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam
7	Giáo dục học đại cương	Giáo dục học phổ thông
8	Thực tập sư phạm 1	Kiểm tập sư phạm
9	Rèn luyện NVSP thường xuyên	Rèn luyện NVSP 1, 2, 3, 4

MỤC LỤC

I. Mô tả chương trình đào tạo	1
1. Thông tin về chương trình đào tạo	1
2. Mục tiêu đào tạo	2
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Nhà trường	2
2.2. Mục tiêu chung	2
2.3. Mục tiêu cụ thể	2
3. Chuẩn đầu ra	3
3.1. Kiến thức	3
3.2. Kỹ năng	3
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	3
4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4
5. Phương pháp kiểm tra đánh giá	4
II. Mô tả chương trình dạy học	4
1. Cấu trúc chương trình dạy học	4
2. Nội dung đào tạo	4
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương	4
2.2. Kiến thức giáo dục thể chất	5
2.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng - An ninh	5
2.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	5
3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	7
4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	10
5. Mô tả vắn tắt các học phần	14
6. Đề cương chi tiết các học phần	28
7. Đối sánh với các chương trình đào tạo	28

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA